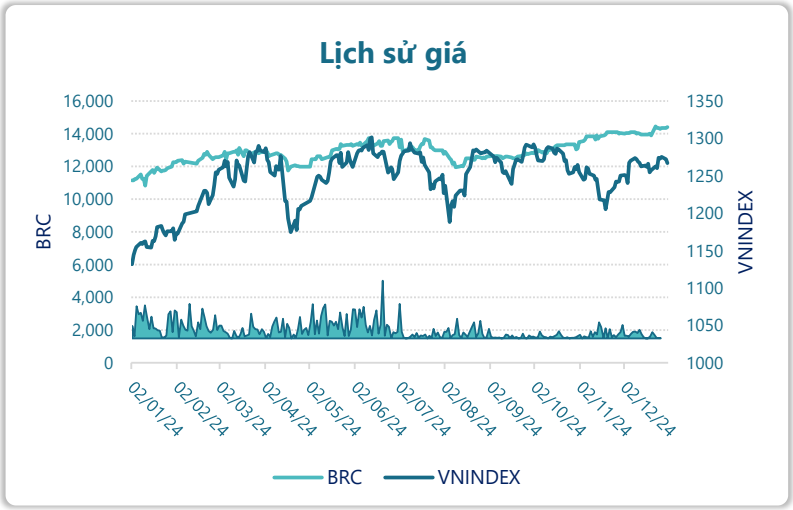
FireAnt

CTCP Cao su Bến Thành (HSX: BRC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,827
SL cổ phiếu LH	12,374,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,940
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	178
P/E	8.2
EPS	1,754

DT thuần

Q4/24

118

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00| -4.6%

YoY: ▲ 30.5| 35.2%

LN sau thuế

Q4/24

4.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.73| -48.2%

YoY: ▼1.23| -23.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.9%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

2024

419

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 87.0| 26.1%

LN sau thuế

2024

21.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.40| 12.0%

ROE

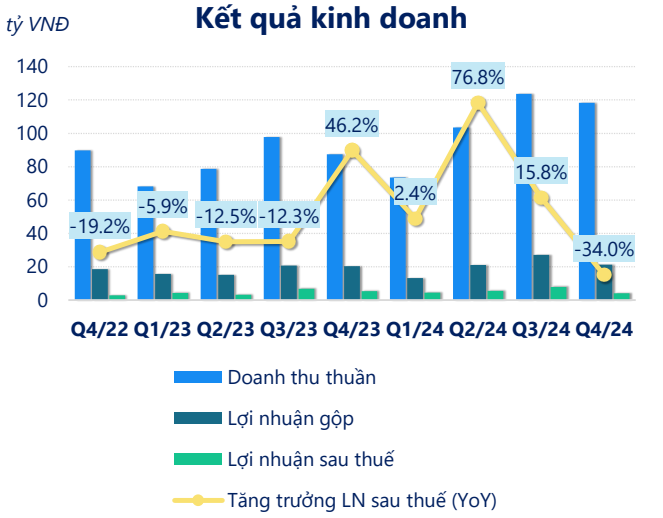
2024

10.3%

+/- YoY: ▲ 1.1%

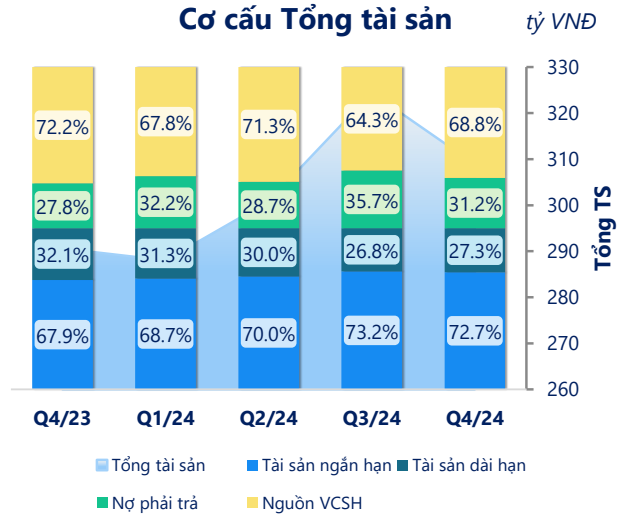
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



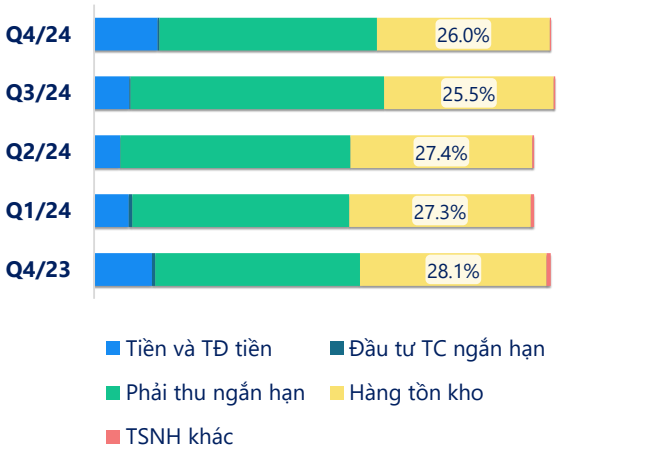
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



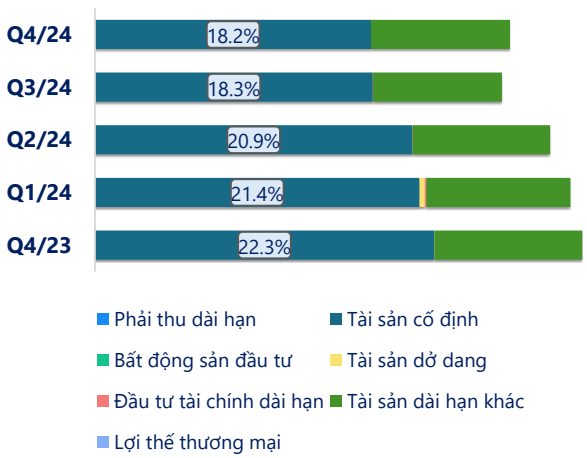
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



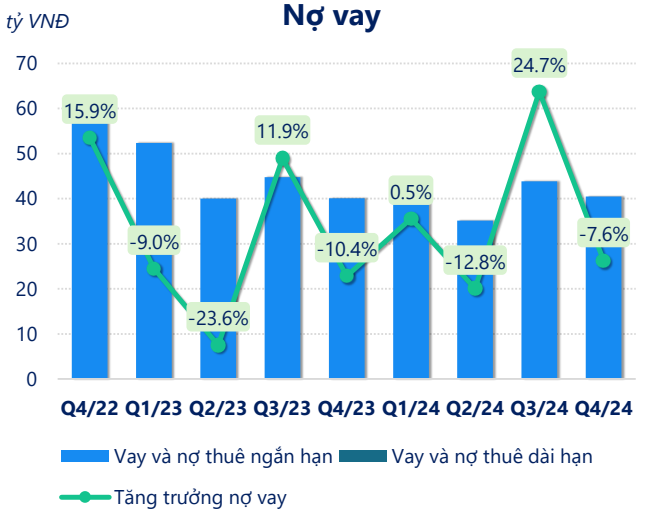
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



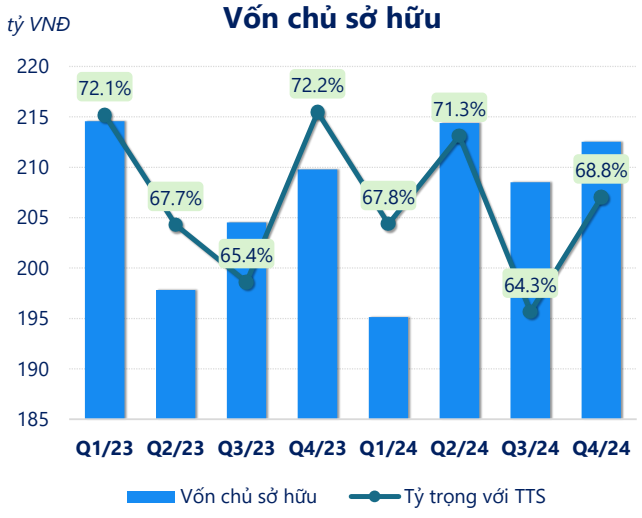
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



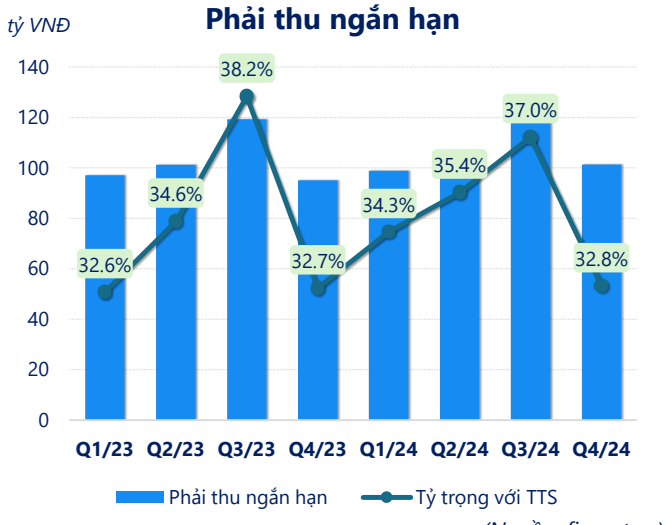
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



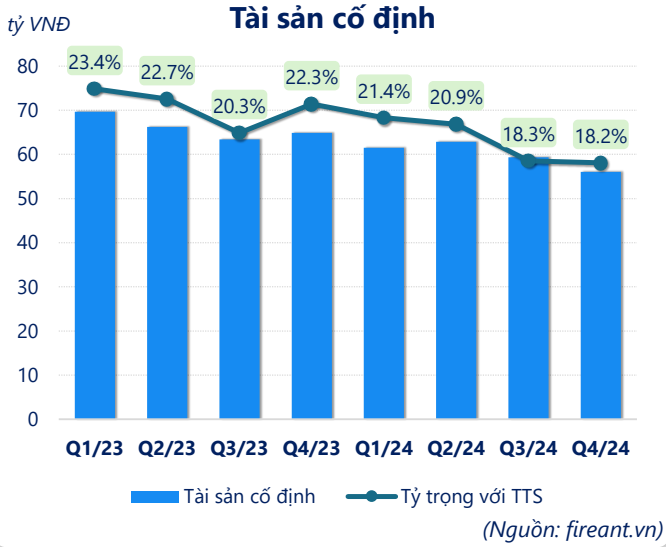
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



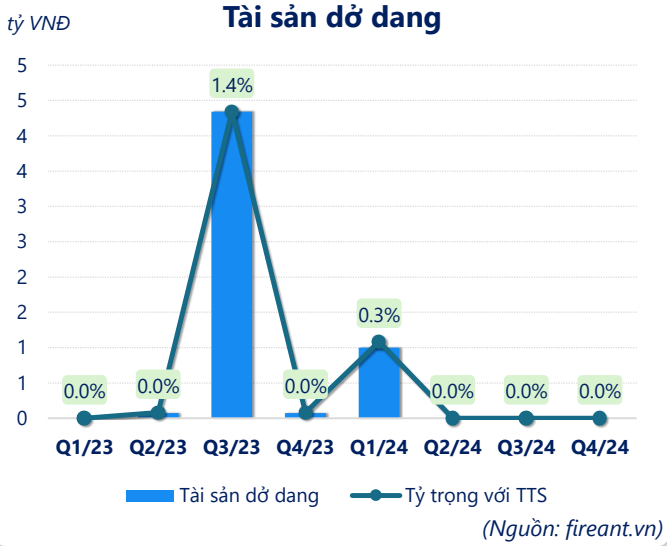
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



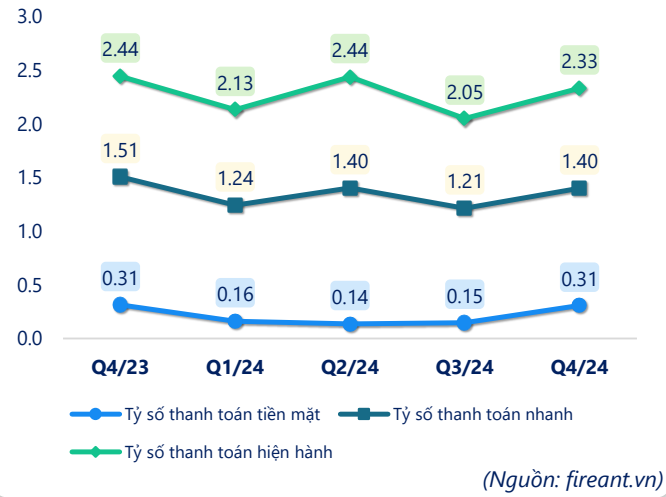
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



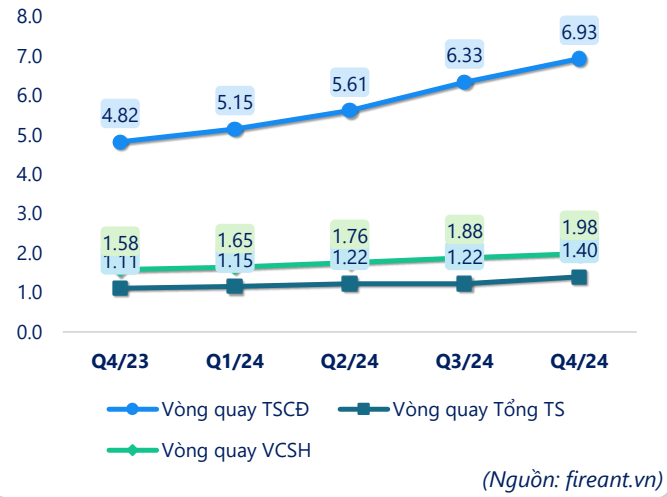
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**291**	**288**	**301**	**324**	**309**
Tài sản ngắn hạn	**197**	**198**	**211**	**238**	**225**
Tiền và tương đương tiền	25.3	15.0	11.8	17.2	29.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.73	0.01	0.28	0.28	0.33
Phải thu ngắn hạn	95.1	98.9	107	120	101
Hàng tồn kho	75.7	82.7	89.5	96.9	89.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	1.29	2.51	3.06	3.61
Tài sản dài hạn	**93.2**	**90.1**	**90.1**	**86.9**	**84.4**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0.05
Tài sản cố định	64.9	61.5	62.9	59.3	56.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.07	1.00	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.33	0.06	0.06	0
Tài sản dài hạn khác	28.3	27.3	27.2	27.5	28.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**80.8**	**92.9**	**86.5**	**116**	**96.3**
Nợ ngắn hạn	**80.8**	**92.9**	**86.5**	**116**	**96.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.1	40.3	35.1	43.8	40.5
Phải trả người bán ngắn hạn	27.5	25.6	34.2	40.9	36.4
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**210**	**195**	**214**	**209**	**213**
Vốn chủ sở hữu	**210**	**195**	**214**	**209**	**213**
Vốn điều lệ	124	124	124	124	124
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)